

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-VHXXH ngày 23 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 491/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Trẻ em mầm non, học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026.

1. Mức học phí theo hình thức học trực tiếp (*quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

2. Mức học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Quy định thời gian áp dụng mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến (học online) trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

1. Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến: Áp dụng mức học phí tương ứng theo hình thức học của cấp học.

2. Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến, căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại cơ sở giáo dục để áp dụng mức học phí, cụ thể:

a) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì áp dụng mức học phí, theo hình thức học trực tiếp tương ứng của cấp học;

b) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì áp dụng mức học phí theo hình thức học trực tuyến tương ứng của cấp học.

3. Tổng thời gian (số tháng) để áp dụng mức thu học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) tối đa không quá 9 tháng/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026;

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo, cụ thể: đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định;

c) Giao các cơ quan chuyên môn chỉ đạo các cơ sở giáo dục quy định tại Nghị quyết chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác của các số liệu, tính toán trong hồ sơ trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Thời gian thực hiện: Năm học 2025-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục

**MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO; CƠ SỞ GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP DO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG,
VIỆN NGHIÊN CỨU THÀNH LẬP NĂM HỌC 2025-2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức học phí năm học 2025-2026
I	CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO	
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng	
1.1	Nhà trẻ (từ 12 tháng đến dưới 18 tháng tuổi)	5.100.000
1.2	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 36 tháng tuổi)	4.300.000
1.3	Mẫu giáo	4.300.000
2	Trường Mầm non 20-10	
2.1	Nhà trẻ	5.100.000
2.2	Mẫu giáo	5.100.000
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng	
3.1	Nhà trẻ	3.800.000
3.2	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.800.000
3.3	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000
4	Trường Mầm non Việt Bun	
4.1	Nhà trẻ	3.850.000
4.2	Mẫu giáo	3.650.000
5	Trường Mầm non B	
5.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	4.500.000

STT	Tên đơn vị	Mức học phí năm học 2025-2026
5.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	4.300.000
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.300.000
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.800.000
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị	
6.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	5.100.000
6.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	4.300.000
6.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000
6.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000
7	Trường Mầm non Mai Dịch	
7.1	Nhà trẻ (từ 18 tháng đến dưới 24 tháng tuổi)	4.000.000
7.2	Nhà trẻ (từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi)	3.800.000
7.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.000.000
7.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.600.000
8	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm	
8.1	Khối 1	4.650.000
8.2	Khối 2	4.650.000
8.3	Khối 3	4.650.000
8.4	Khối 4	4.650.000
8.5	Khối 5	4.650.000
9	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng	
9.1	Khối 1	5.500.000
9.2	Khối 2	5.500.000
9.3	Khối 3	5.300.000
9.4	Khối 4	5.000.000

STT	Tên đơn vị	Mức học phí năm học 2025-2026
9.5	Khối 5	5.000.000
10	Trường Tiểu học Tràng An	
10.1	Khối 1	3.700.000
10.2	Khối 2	3.700.000
10.3	Khối 3	3.700.000
10.4	Khối 4	3.700.000
10.5	Khối 5	3.700.000
11	Trường Trung học cơ sở Nam Từ Liêm	
11.1	Khối 6	4.020.000
11.2	Khối 7	4.020.000
11.3	Khối 8	4.020.000
11.4	Khối 9	4.020.000
12	Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy	
12.1	Khối 6	3.300.000
12.2	Khối 7	3.300.000
12.3	Khối 8	3.300.000
12.4	Khối 9	3.300.000
13	Trường Trung học cơ sở Thanh Xuân	
13.1	Khối 6	4.000.000
13.2	Khối 7	4.000.000
13.3	Khối 8	4.000.000
13.4	Khối 9	4.000.000
14	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	

STT	Tên đơn vị	Mức học phí năm học 2025-2026
14.1	Khối 6	4.400.000
14.2	Khối 7	4.400.000
14.3	Khối 8	4.400.000
14.4	Khối 9	4.400.000
15	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	
15.1	Khối 10	6.100.000
15.2	Khối 11	6.100.000
15.3	Khối 12	6.100.000
16	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	4.200.000
II	CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP DO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, VIỆN NGHIÊN CỨU THÀNH LẬP	
1	Trường Trung học cơ sở Năng khiếu Đại học Sư phạm	4.000.000
2	Trường Trung học phổ thông chuyên Đại học Sư phạm	3.200.000
3	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	
3.1	Trung học cơ sở	2.365.000
3.2	Trung học phổ thông	2.640.000
4	Trường Trung học phổ thông chuyên ngoại ngữ thuộc trường Đại học ngoại ngữ - Trường đại học quốc gia Hà Nội	3.200.000